

**BÁO CÁO**

**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo  
Nghị định quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp**

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp được giao chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật (sau đây gọi chung là dự thảo Nghị định). Bộ Tư pháp đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định, kết quả như sau:

**I. VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH ĐƯỢC RÀ SOÁT**

**1. Văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành**

- Luật An ninh quốc gia năm 2004;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2014;
- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;
- Luật Tiếp cận thông tin năm 2016;
- Luật Điều ước quốc tế năm 2016;
- Luật Công an nhân dân năm 2018;
- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;
- Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2022.

## **2. Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành**

- Nghị định số 35/2011/NĐ-CP ngày 18/5/2011 của Chính phủ về biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.
- Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật;
- Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;
- Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;
- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/07/2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;
- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/06/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Tổng cục, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh; ủy ban nhân dân cấp huyện; ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức;
- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;
- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 81/2022/NĐ-CP ngày 14/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;
- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

- Nghị định 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

### **3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

### **4. Các văn bản khác có liên quan**

- Thông tư số 07/2015/TT-BTP ngày 15/06/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định của Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật;

- Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI CÁC VĂN BẢN RÀ SOÁT**

Các nội dung rà soát cụ thể liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên và đánh giá sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị định với các văn bản rà soát được nêu tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Lê Thành Long (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ HTQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Khánh Ngọc**



**Phụ lục**

**BÁO CÁO RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUẢN LÝ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÁP LUẬT VÀ CÁCH TỰ PHÁP**  
*(Kèm theo Báo cáo số 243/BC-BTP ngày 04/8/2023 của Bộ Tư pháp)*

<b>NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH TIỀN HÀNH RÀ SOÁT</b>	<b>CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN</b>	<b>ĐÁNH GIÁ</b>
<b>Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	<ul style="list-style-type: none"><li>- Điều 6.1, Điều 22 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019);</li><li>- Điều 19.2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;</li><li>- Điều 1 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.</li></ul>	Phù hợp
Điều 2. Giải thích từ ngữ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Điều 82 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;</li><li>- Điều 2.2, Điều 5 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;</li><li>- Điều 3, Điều 5 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;</li><li>- Điều 2.3, Điều 3.2, Điều 3.3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;</li><li>- Điều 3.3, Điều 3.7, Điều 3.10, Điều 3.16 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;</li><li>- Điều 2.1, Điều 2.2, Điều 2.3 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg.</li></ul>	Phù hợp

<p>Điều 3. Nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 34.1, Điều 37.1 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019);</li> <li>- Điều 22.4 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019);</li> <li>- Điều 3.3 Luật Tiếp cận thông tin năm 2015;</li> <li>- Điều 3 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;</li> <li>- Điều 3, Điều 47 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;</li> <li>- Điều 2 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 4.1, Điều 4.2, Điều 4.3, Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 6.2 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.</li> </ul>	<p>Phù hợp</p>
<p>Điều 4. Áp dụng quy định pháp luật có liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 1 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;</li> <li>- Điều 1 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;</li> <li>- Điều 1, Điều 7.1 a Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 1, Điều 5.1 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 1 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg.</li> </ul>	<p>Phù hợp</p>
<p>Điều 5. Nội dung và hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều Điều 2.1, Điều 2.5, 81.11 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;</li> <li>- Điều 2.1, Điều 2.5 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;</li> <li>- Điều 11.1, 12.1 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 3.2, Điều 7.1 a Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;</li> </ul>	<p>Phù hợp</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 4, Điều 5.1 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 2.1 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg.</li> </ul>	
<b>Chương II. THỰC HIỆN HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÁP LUẬT VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP</b>		
<p>Điều 6. Đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 13.1 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;</li> <li>- Điều 29.1, Điều 29.1 Luật Quản lý nợ công năm 2017;</li> <li>- Điều 9.1 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;</li> <li>- Điều 2.2, Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 3.11, Điều 6.2, 13.2.a, Điều 13.4, Điều 28, Điều 29, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 4.1 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg.</li> </ul>	Phù hợp
<p>Điều 7. Lấy ý kiến đối với hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 9, Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 19, Điều 22, Điều 24.2, Điều 25.1, Điều 25.2, Điều 25.4, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 36.1, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;</li> <li>- Điều 7, Điều 8, Điều 13.1.a, Điều 13.3, Điều 26.2 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 10.2.a, Điều 29.2, Điều 30.1, Điều 31.2, Điều 32.1 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9.2, Điều 9.4, Điều 11 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 9.1.b, Điều 9.2.c, Điều 13.2.c, Điều 15.5, Điều 25.2, Điều 25.3, Điều 26.2, Điều 27.1.b, Điều 27.2.c, Điều 30.2.b, Điều 30.3, Điều 33.2.b, Điều</li> </ul>	Phù hợp

	<p>33.3.b, Điều 94.3, Điều 95.3 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;  - Nghị định số 01/2022/NĐ-CP;  - Điều 5.1 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg;  - Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTP.</p>	
<p>Điều 8. Triển khai thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp</p>	<p>- Điều 76, Điều 79, Điều 81.2 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;  - Điều 4.2, Điều 42 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;  - Điều 10 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;  - Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 27.3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;  - Điều 6.1.b, Điều 34, Điều 35, Điều 36 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;  - Điều 4.2 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg.</p>	<p>Phù hợp</p>
<p>Điều 9. Chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp</p>	<p>- Điều 9, Điều 17, Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin năm 2015;  - Điều 60, Điều 62, Điều 81.3, Điều 81.5 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;  - Điều 61 Luật Quản lý nợ công năm 2017;  - Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018;  - Điều 4.3, Điều 42.3, Điều 46.4 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;  - Điều 11.3, Điều 12.4, Điều 13.2, Điều 14, Điều 26.7 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;  - Điều 28 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP;  - Điều 22.1, Điều 23.3, Điều 30.3, Điều 30.5, Điều 30.6 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP;  - Điều 15.1.b, Điều 17 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP;</p>	<p>Phù hợp</p>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 6.2.d, Điều 80 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Mục III Thông tư số 07/2015/TT-BTP.</li> </ul>	
Điều 10. Chế độ báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 81. 8 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;</li> <li>- Điều 60 Luật Quản lý nợ công năm 2017;</li> <li>- Điều 46.3 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;</li> <li>- Điều 16, Điều 26.8 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 27 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 8.5.b, Điều 12.4, Điều 13.1 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 13.7, Điều 13.9, Điều 14, Điều 18 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 15.1.c, Điều 16 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 80, Điều 81 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 8 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg.</li> </ul>	Phù hợp
Điều 11. Xử lý vi phạm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2014 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2022);</li> <li>- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.</li> </ul>	Phù hợp
<b>Chương III. TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÁP LUẬT VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP</b>		
Điều 12. Quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 22.1 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019);</li> <li>- Điều 29 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;</li> <li>- Điều 20, Điều 78, Điều 80.1, Điều 82.3 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;</li> </ul>	Phù hợp

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 5.3, Điều 30, Điều 42, Điều 46 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;</li> <li>- Điều 19 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 23 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 32.1, Điều 36, Điều 94, Điều 96 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 2.24, Điều 2.26 Nghị định số 98/2022/NĐ-CP.</li> </ul>	
<p>Điều 13. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 29 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;</li> <li>- Điều 18, Điều 56, Điều 59, Điều 77, Điều 80.1, Điều 81.9, Điều 81.10, Điều 82.2, Điều 82.3 Luật Ước quốc tế năm 2016;</li> <li>- Điều 12.2 Luật Công an nhân dân năm 2018;</li> <li>- Điều 4.5, Điều 4.6, Điều 5.2, Điều 5.3, Điều 29, Điều 30, Điều 42, Điều 44, Điều 46 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;</li> <li>- Điều 17, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 24 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 23 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 27.4, Điều 30, Điều 31, Điều 33 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 15.1 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 29.1, 29.2, Điều 29.4, Điều 32.1, Điều 32, Điều 36, Điều 93, Điều 95, Điều 96 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 01/2022/NĐ-CP;</li> <li>- Điều 2.5, Điều 2.6, Điều 2.7, Điều 2.8, Điều 2.23 Nghị định số 81/2022/NĐ-CP;</li> </ul>	<p>Phù hợp</p>

<p>Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>	<p>- Điều 7 Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg;          - Mục IV Thông tư số 07/2015/TT-BTP.          - Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;          - Điều 17.2, Điều 21.6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019);          - Điều 80.1, Điều 82.3 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;          - Điều 17.3 Luật Quản lý nợ công năm 2017;          - Điều Điều 5.4, Điều 46, Điều 47 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;          - Điều 25 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP;          - Điều 33 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;          - Điều 15.1 Nghị định số 64/2021/NĐ-CP;          - Điều 36, Điều 97 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;          - Điều 2.30 Thông tư số 07/2020/TT-BTP.</p>	<p>Phù hợp</p>
<p><b>Chương IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>		
<p>Điều 15. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp</p>	<p>- Điều 151, Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);          - Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung năm 2020).</p>	<p>Phù hợp</p>
<p>Điều 16. Trách nhiệm thi hành</p>	<p>- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015;          - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ</p>	<p>Phù hợp</p>

	chức chính quyền địa phương năm 2019; - Điều 28 Nghị định số 113/2014/NĐ-CP.	
--	---	--